

Số: **01/2026/QĐST-HNGĐ**

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

- Thư ký phiên họp: Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên họp:
Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 406/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 về yêu cầu “*Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật*”. Theo Quyết định mở phiên họp số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2026, giữa:

- Người yêu cầu: Bà Cao Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Tân Hòa, xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn Phước Hòa, xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Tân Hòa, xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn Phước Hòa, xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk).

2. Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk .

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim O – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk .

(Đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

- Người yêu cầu bà Cao Thị H trình bày: Tôi và ông Huỳnh Văn T chung sống với nhau tự nguyện từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E1, huyện Krông cũ, nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/9/1997. Tuy nhiên, tại thời điểm tôi đăng ký kết hôn với ông Huỳnh Văn T, do ông T khai không đúng ngày tháng năm sinh. Ông Huỳnh Văn T, sinh ngày 11/02/1979 nhưng tại thời điểm đăng ký kết hôn ông T khai sinh ngày 15/02/1978. Hiện chúng tôi không thể làm các thủ tục hành chính được nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật với ông Huỳnh Văn T theo Giấy đăng ký kết hôn số 25, quyển số 06, ngày 04/9/1997, tại Ủy ban nhân dân xã E1, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, để chúng tôi đăng ký kết hôn lại theo đúng quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống chúng tôi có hai con chung là Huỳnh Văn Q, sinh năm 1998 và Huỳnh Văn K, sinh năm 2001. Hiện các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T trình bày:** Tôi và bà Cao Thị H chung sống với nhau tự nguyện từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E1 cũ, nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/9/1997. Tại thời điểm đăng ký kết hôn với bà Cao Thị H thì tôi chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo giấy khai sinh tôi sinh ngày 11/02/1979, tại thời điểm đăng ký kết hôn do tôi làm thất lạc giấy khai sinh nên có khai ngày tháng năm sinh là 15/02/1978 là không đúng thực tế. Nay bà Cao Thị H yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật với tôi thì tôi đồng ý.

Trong thời gian chung sống chúng tôi có hai con chung là Huỳnh Văn Q, sinh năm 1998 và Huỳnh Văn K, sinh năm 2001. Hiện các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk trình bày:* Ngày 04/9/1997, bà Cao Thị H và ông Huỳnh Văn T đến UBND xã E1, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) làm thủ tục đăng ký kết hôn, bà Cao Thị H, sinh ngày 10/02/1979 và ông Huỳnh Văn T, sinh ngày 15/02/1978 đúng tuổi theo quy định của pháp luật. UBND xã E1 căn cứ Luật hôn nhân gia đình và các văn bản hướng dẫn thi hành, thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho bà Cao Thị H và ông Huỳnh Văn T theo đúng quy định. Nay bà Cao Thị H đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến: Căn cứ khoản 1 Điều 29, Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 365, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Cao Thị H: Hủy bỏ việc kết hôn giữa bà Cao Thị H và ông Huỳnh Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 quyền số 05 ngày 04/9/1997 của Ủy ban nhân dân xã E1, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk). Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự và loại việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 2 Điều 35; khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị H và ông Huỳnh Văn T chung sống với nhau từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E1, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk). Ngày 04/9/1997, Ủy ban nhân dân xã E1 đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho bà Cao Thị H, sinh ngày 10/02/1979, trú tại: Thôn T, xã E1, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk và ông Huỳnh Văn T, sinh ngày 15/02/1978, trú tại: Thôn T1, xã E1, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 06.

Bà Cao Thị H và ông Huỳnh Văn T xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn cả hai đều tự nguyện. Tuy nhiên, do ông T làm thất lạc Giấy khai sinh nên khai ông Huỳnh Văn T, sinh ngày 15/02/1978.

Theo Giấy khai sinh và Căn cước công dân ông T cung cấp cho Tòa án thì ông T sinh ngày 11/02/1979. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn ông T chỉ mới 18 tuổi 6 tháng 23 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn.

Tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”.

Xét thấy, việc kết hôn giữa ông Huỳnh Văn T và bà Cao Thị H đã vi phạm quy định về độ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Do vậy, bà Cao Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Cao Thị H và ông Huỳnh Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 06 ngày 04/9/1997 của Ủy ban nhân dân xã E1 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà Cao Thị H và ông Huỳnh Văn T có 02 con chung là Huỳnh Văn Q, sinh năm 1998 và Huỳnh Văn K, sinh năm 2001. Hiện các con chung đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí: Bà Cao Thị H phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 36 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Cao Thị H.

Hủy bỏ việc kết hôn giữa bà Cao Thị H và ông Huỳnh Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 06 ngày 04/9/1997 của Ủy ban nhân dân xã E1, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk).

Về con chung: Các con chung là Huỳnh Văn Q, sinh năm 1998 và Huỳnh Văn K, sinh năm 2001 đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Cao Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0001352 ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy